

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 18.08/TTYT-KSNK ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Trung tâm Y tế Chí Linh và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 775/TTYT-KSNK ngày 29 tháng 9 năm 2026 về việc chỉnh sửa, bổ sung, giải trình các nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Trung tâm y tế Chí Linh”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1023/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế Chí Linh, địa chỉ tại số 358 phố Nguyễn Trãi, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Cơ sở Trung tâm Y tế Chí Linh” tại số 358 phố Nguyễn Trãi, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế Chí Linh.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 358 phố Nguyễn Trãi, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

- Quyết định thành lập số 2000/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc đổi tên một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế và trạm y tế các xã, phường, đặc khu trực thuộc Trung tâm y tế khu vực.

1.4. Mã số thuế: 0800726760.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: 300 giường bệnh.

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 24.143,5 m².

- Nhóm Dự án: Cơ sở có tiêu chí tương đương với Dự án Nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Cơ sở thuộc Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Quy mô công suất các hạng mục được cấp phép tại Giấy phép môi trường này: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; quy mô 300 giường bệnh; công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế nguy hại; hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm; hệ thống xử lý mùi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, lưu lượng xả lớn nhất 1.500m³/h.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành

kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Trung tâm Y tế Chí Linh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế Chí Linh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay hoạt động xả nước thải, khí thải và hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 16 tháng 10 năm 2036*).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Chu Văn An;
- Trung tâm Y tế Chí Linh;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để đăng tải GP);
- Lưu: VT, N.X. Thành.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND

ngày tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ bộ phận xét nghiệm, phòng điều trị, chạy thận nhân tạo (bao gồm nước từ hệ thống lọc RO, hoạt động vệ sinh, rửa thiết bị, rửa quả lọc thận đặt tại các nhà 1,2,4, 5, 7- xây mới; nhà 3,6- cải tạo, xây mới).

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ khu vực giặt.

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh chung trong khu vực khám chữa bệnh (đặt tại các nhà 1,2,4, 5, 7- xây mới, nhà 3,6- cải tạo, xây mới).

- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống cống thoát nước thải của TDP Nguyễn Trãi 2, sau đó chảy ra hồ Mật Sơn, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung theo đường ống PVC D150 dài 12m tự chảy ra hệ thống cống thoát nước thải của TDP Nguyễn Trãi 2 rồi chảy ra hồ Mật Sơn, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2335189,53$; $Y(m) = 565932,25$.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung theo đường ống PVC D150 dài 12m xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực TDP Nguyễn Trãi 2 và chảy ra hồ Mật Sơn theo phương thức tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cột B, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	≤ 60		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	≤ 10		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 40		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6,0		
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30		
9	Clo dư	mg/L	≤ 2,0		
10	Chloroform (CHCl ₃)	mg/L	≤ 0,8		
11	Coliform	MPN/100 ml	≤ 5.000		
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải tập trung

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các khoa xét nghiệm, phòng điều trị, chạy thận nhân tạo (bao gồm nước từ hệ thống lọc RO, nước từ hoạt động vệ sinh, rửa thiết bị, rửa quả lọc thận) được thu gom bằng ống PVC D48 sau đó tự chảy về HTXL nước thải chung bằng đường ống thu gom nước thải HDPE D300.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực giặt theo đường ống PVC D200 sau đó tự chảy về HTXL nước thải chung bằng đường thu gom nước thải chung HDPE D300.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh chung trong khu vực khám chữa bệnh được thu gom bằng bể phốt xây chìm phía ngoài các khối nhà sau đó tự chảy về HTXL nước thải chung bằng đường ống thu gom nước thải chung HDPE D200, HDPE D300 và uPVC D160.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp theo đường ống dẫn PVC Class2 D90 dài 5m độ dốc 0,2% thu gom về bể tách mỡ bên ngoài khối nhà thể tích 2m³ sau đó tự chảy về HTXL nước thải chung qua đường ống thu gom nước thải chung HDPE D300.

Trên hệ thống đường ống thu gom có bố trí các hố ga thu cạn, tổng số hố ga là 23 cái (*trong đó 16 hố ga được cải tạo từ hố ga cũ, 7 hố ga xây mới*), kết cấu đáy + tấm đan bằng BTCT, tường xây gạch, kích thước mỗi hố ga 96 x 96 x 108 cm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Số lượng: 09 bể tại 8 khu nhà, tổng dung tích 160 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Số lượng: 01 hệ thống.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → hố ga → bể thu gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí + MBBR → bể lắng đứng → bể khử trùng → Hệ thống công thoát nước khu vực → Hồ Mật Sơn.

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen (NaOCl, 7% - 10%), PAC 30%, Mật rỉ đường, cồn công nghiệp (Methanol 90-95%), NaHCO₃ (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu chất lượng đầu ra tại Mục 2.6 Phần A phụ lục này*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Không lắp đặt theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 28 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Các bể của hệ thống xử lý công nghệ Johkasou (Nhật Bản) công suất 150 m³/ngày đêm cũ được chuyển đổi công năng làm bể ứng phó sự cố khi xảy ra sự cố với tổng dung tích chứa khoảng 202,4 m³ và bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm với tổng dung tích chứa khoảng 145,8 m³.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ duy tu, bảo trì thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung. Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung của Trung tâm xảy ra sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nước thải được bơm về bể điều hòa, hệ thống xử lý công nghệ Johkasou (Nhật Bản) công suất 150 m³/ngày đêm không xả thải ra môi trường. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể điều hòa, hệ thống xử lý công nghệ Johkasou (Nhật Bản) công suất 150 m³/ngày đêm được bơm về bể điều hòa/hoặc thực hiện xử lý các bước tiếp theo của Trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp tạm dừng trạm xử lý nước thải tập trung để duy tu, bảo trì trang thiết bị, nước thải được đưa về hệ thống xử lý công nghệ Johkasou (Nhật Bản) để lưu chứa. Sau khi kết thúc công tác bảo trì, nước thải từ hệ thống xử lý công nghệ Johkasou (Nhật Bản) được bơm về bể điều hòa của Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm, ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi cấp giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Vị trí số 01: Tại bể thu gom nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm.

- Vị trí số 02: Nước thải đầu ra tại vị trí xả thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm (điểm xả).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm phải giám sát các chất ô nhiễm có trong

dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.6 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu	Tần suất	Thời gian
1	Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m ³ /ngày đêm (bể thu gom)	NT1	Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần (lấy 1 lần)	Trong giai đoạn vận hành ổn định
2	Nước thải đầu ra tại vị trí xả thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m ³ /ngày đêm (<i>điểm xả</i>)	NT2	Lấy mẫu đơn 3 lần trong 3 ngày liên tiếp, tần suất 01 ngày/lần	Trong giai đoạn vận hành ổn định

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom nước thải và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường được cấp thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.7. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.8. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường được cấp và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.9. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải bảo đảm các yêu cầu sau

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày.....tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí thải lớn nhất, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả thải nằm trong khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày đêm của Trung tâm Y tế Chí Linh.

- Dòng khí thải số 01: Dòng khí thải phát sinh từ ống thải của hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải công suất 250m³/ngày đêm. Tọa độ X (m) = 2335199,79; Y (m) = 565925,35 (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B), như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	CH ₃ SH	mg/Nm ³	≤ 12		
3	H ₂ S	mg/Nm ³	≤ 7		
4	NH ₃	mg/ Nm ³	≤20		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ bể gom, bể điều hoà, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn của Trạm xử lý nước thải tập trung theo các lỗ thông hơi dẫn vào đường ống thu gom uPVC D150 và nhờ quạt hút công suất 1.500 m³/giờ hút khí thải dẫn về hệ thống xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ nguồn số 01 → Đường ống D150 mm → Quạt hút → Thiết bị tách ẩm → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống xả khí thải (D150 mm, chiều cao 2m) → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 1.500 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật: Đường ống thu gom (01 hệ thống: uPVC D150, tổng chiều dài 10 m); thiết bị tách ẩm (01 cái, kích thước 0,6m x 0,6m x 0,6m), tháp hấp phụ (01 cái; kích thước D × H = 0,8m × 2,0m; vật liệu composite dày 6mm); quạt hút (01 cái; công suất 1,5kW; lưu lượng 1.500/giờ; áp suất 1.800 Pa); ống thải (01 cái; kích thước uPVC D150; dài 2m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải và vận hành hệ thống theo quy trình.

+ Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ hàng năm.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, bơm, van vòi khóa, các thiết bị xử lý, quạt hút.

- + Trang bị các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi bị hỏng.
- Biện pháp khắc phục:
 - + Công nhân vận hành hệ thống ngắt cầu dao để các thiết bị sử dụng điện như máy bơm, quạt hút dừng hoạt động.
 - + Thông báo cho phụ trách trạm xử lý, hỗ trợ khắc phục sự cố.
 - + Thay thế các chi tiết, phụ tùng bị hỏng hóc (trường hợp hỏng hóc nhẹ).
 - + Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố (trường hợp hỏng hóc nặng).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Trong trường hợp công suất, công nghệ của công trình xử lý khí thải không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất khí thải phát sinh, Chủ cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của công trình xử lý khí thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.6. Trung tâm Y tế Chí Linh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND
ngày.....tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của thiết bị xử lý mùi của trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Từ khu vực máy phát điện dự phòng và khu vực đặt hệ thống lọc nước RO.

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		
		Từ 6-18 giờ	Từ 18-22 giờ	Từ 22-6 giờ
1	Khu vực A	50	45	40

2.2. Độ rung

TT	Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	
		Từ 6-22 giờ	Từ 22-6 giờ
1	Khu vực A	60	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý nước thải góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

1.2. Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng của máy bơm, máy thổi khí).

1.3. Sử dụng đệm cao su kê các chân đế máy để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn, kiểm định đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung theo quy định.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày..... tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả vật sắc nhọn) gồm:	Rắn	8.389	13 01 01
	1.1. Chất thải lây nhiễm sắc, nhọn	Rắn	958	
	1.2. Chất thải lây nhiễm không sắc, nhọn	Rắn	4.744	
	1.3. Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	Rắn	2.279	
	1.4. Chất thải giải phẫu	Rắn	408	
2	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	3.907,7	13 01 01
3	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (Presept, Chloramin B; Glutaraldehyd, Xylen,...)	Rắn/Lỏng	48	13 01 02
4	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn/Lỏng	20	13 01 03
5	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	Rắn	02	13 01 04
6	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	Rắn	100	13 01 02
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (Bóng đèn led, tắc te, bóng lưu điện,...)	Rắn	15	16 01 13
8	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	164	16 01 06
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	5.201,3	12 06 05
Tổng			17.857	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (bó bột y tế thải bỏ, ga trải giường, khăn vải, quần áo dùng một lần, ...)	Rắn	15.320	13 01 05
2	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	156	13 01 07
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	130	18 01 05
4	Bao bì nhựa (Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất; vỏ chai;...)	Rắn	82	18 01 06
5	Bao bì kim loại	Rắn	02	18 01 08
6	Bao bì thủy tinh (Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất; Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;...)	Rắn	80	18 01 09
7	Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa	Bùn/lỏng	10.000	12 06 13
8	Than hoạt tính của hệ thống tháp hấp phụ mùi	Rắn	576	-
9	Vật liệu lọc hệ thống lọc nước RO (sỏi đỡ, cát thạch anh, than hoạt tính, nhựa trao đổi ion, lõi lọc, ...)	Rắn	276	19 09 05
Tổng			26.622	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 327,0 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại phải kiểm soát (*trừ bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*)

- Chất thải y tế nguy hại (*trừ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*) phải phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, báo cáo và lập hồ sơ quản lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và Quyết định số 243/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Tần suất thu gom, vận chuyển 02 ngày/lần.

- Kho/khu vực lưu chứa chất thải y tế nguy hại: Bố trí 02 kho (01 kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm 15m², 01 kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm 15m²). Nhà cấp 4, tường xây gạch, mái bằng, nền bê tông, có cửa ra vào kiểm soát, có rãnh và hố thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng ngừa ứng phó khi có sự cố rò rỉ, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn thông thường được thu gom, phân loại tại nguồn, tập kết về kho lưu chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế: bố trí 01 kho diện tích 15 m². Nhà cấp 4, xây gạch, nền bê tông, trang bị dấu hiệu cảnh báo tại kho chứa, có cửa ra vào kiểm soát.

- Bùn thải từ bể tự hoại, định kỳ nạo vét; không có kho lưu chứa riêng, được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thùng chứa có màu khác nhau theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Bố trí 01 kho chứa có diện tích 15 m² để lưu chứa, được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển 01 lần/ngày.

2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải khác

- Bùn thải hệ thống thoát nước được hút bằng xe chuyên dụng, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý như chất thải nguy hại; không có công trình lưu chứa tại chỗ.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu chứa tại bể chứa

bùn, được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý như chất thải nguy hại. Bể chứa bùn: Bố trí 01 bể chứa bùn tổng thể tích khoảng 56,6 m³.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cụ thể như sau:

- Kho lưu giữ chất thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 33, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

- Trang bị các vật dụng, thiết bị, vật liệu để phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải gồm bao cát, vật liệu thấm hút, thu gom hóa chất và chất thải; thùng chứa dự phòng, thiết bị bảo hộ lao động, bình chữa cháy cùng các phương tiện ứng cứu cần thiết khác. Các trang thiết bị được bố trí tại những vị trí thuận tiện, dễ tiếp cận, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nhằm bảo đảm khả năng sẵn sàng ứng phó, xử lý kịp thời các sự cố chất thải phát sinh trong quá trình vận hành dự án, hạn chế tối đa tác động đến môi trường xung quanh.

- Thực hiện lưu giữ chất thải đúng theo thiết kế và công suất của khu vực lưu giữ, bảo đảm khối lượng và chủng loại chất thải không vượt quá khả năng lưu chứa. Chất thải được sắp xếp gọn gàng, ổn định, bảo đảm an toàn trong quá trình lưu giữ, tránh đổ vỡ, rò rỉ hoặc phát tán ra môi trường.

- Thực hiện thu gom, chuyển giao chất thải định kỳ cho các đơn vị có chức năng nhằm hạn chế tối đa thời gian tồn lưu tại khu vực lưu giữ. Đồng thời, áp dụng các biện pháp phòng ngừa phù hợp như bố trí nền lưu giữ cao hơn khu vực xung quanh, bảo đảm hệ thống thoát nước, che chắn và gia cố khu vực lưu giữ để phòng tránh nguy cơ ngập úng, cuốn trôi hoặc phát tán chất thải khi xảy ra mưa lớn, triều cường hoặc các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Khi xảy ra sự cố chất thải, Chủ cơ sở tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp với tính chất, quy mô và mức độ của sự cố; huy động nhân lực, trang thiết bị, vật tư cần thiết để kịp thời khống chế, thu gom, xử lý chất thải phát sinh và hạn chế tối đa tác động đến môi trường. Trường hợp sự cố vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ, Chủ cơ sở thực hiện thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức ứng phó theo quy định hiện hành về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

- Khi xảy ra sự cố tại khu vực lưu giữ chất thải, Chủ cơ sở thực hiện cô lập khu vực sự cố, áp dụng các biện pháp ngăn chặn chất thải phát tán ra môi trường; đồng thời sử dụng các vật liệu, thiết bị ứng cứu phù hợp để thu gom toàn bộ chất thải bị rò rỉ, đổ tràn. Chất thải, vật liệu thấm hút, bao bì hư hỏng và các chất thải phát sinh trong quá trình khắc phục sự cố được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm

thời theo đúng quy định đối với từng loại chất thải và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Sau khi khắc phục sự cố, khu vực bị ảnh hưởng được vệ sinh, kiểm tra và phục hồi nhằm bảo đảm không phát sinh ô nhiễm môi trường thứ cấp.

- Bố trí nhân sự vận hành, lực lượng tham gia phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải được tập huấn, huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN

Các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật cần tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh, cụ thể như sau:

1. Khu nhà 1 (CT-01), xây mới: Tổng diện tích xây dựng 2.109,97 m². Trong đó: nhà CT-01A, 9 tầng, diện tích 1.439,43 m²; nhà CT-01B, 1 tầng, diện tích 501,71 m²; nhà CT-01C, 4 tầng, diện tích 168,83 m².
2. Khu nhà 2, xây mới: Nhà CT-02, 6 tầng, diện tích 934,14 m².
3. Khu nhà 3, cải tạo và xây dựng mới: CT-03/3 tầng, diện tích 2.304,15 m².
4. Khu nhà 4 (CT-04), xây mới: Tổng diện tích xây dựng 1.608,54 m². Trong đó: nhà CT-4a, 7 tầng, diện tích 1.347,84 m²; nhà CT-4b, 3 tầng, diện tích 260,7 m².
5. Khu nhà 5, xây mới: CT-05, 4 tầng, diện tích 745,56 m².
6. Khu nhà 6, cải tạo và xây dựng mới: Khu nhà kỹ thuật gồm có nhà xác, kho rác, trạm điện, nước, oxy CT-06, diện tích 314,05 m².
7. Khu nhà 7, xây mới: CT-07, 1 tầng, diện tích 356,2 m².
8. Hệ thống ống HDPE D300 tổng chiều dài 570m thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của 7 khu nhà trên về hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.
3. Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Các hạng mục công trình của Trung tâm chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành. Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường của Cơ sở đến các đối tượng nhạy cảm xung quanh đáp ứng theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
